TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2026/HNGĐ-ST
Ngày 23-4-2026

"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phúc;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Thế Phong;

Ông Hoàng Đức Trường.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Đài Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 169/2025/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2026/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2026, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 2001. Địa chỉ: Thôn L, xã V, tỉnh Tuyên Quang. (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Vương Minh N, sinh năm 1999. Địa chỉ: Đ, thôn T, xã L, tỉnh Tuyên Quang. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vương Minh N có đăng ký kết hôn ngày 03/11/2020 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang (nay là xã L, tỉnh Tuyên Quang). Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là không tìm được tiếng nói chung trong làm ăn, phát triển kinh tế. Anh N ham chơi, không tu chí làm ăn, mỗi lần bàn bạc việc phát triển kinh tế là lại phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng mâu thuẫn không cải thiện được. Đến tháng 10/2023 thì anh chị sống ly thân cho đến nay. Xác định không thể hàn gắn và chung sống

được nữa, chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vương Minh N.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 28/10/2018 và cháu Vương Kim N1, sinh ngày 10/3/2021. Hiện nay các cháu đang ở với bố đẻ và ông bà nội. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng giao 02 cháu cho anh N nuôi dưỡng, chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng với mức 02 triệu đồng/tháng.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không có.

Toà án thụ lý và tiến hành giải quyết vụ án theo trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ đối với anh Vương Minh N nhiều lần, anh N cũng đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh N không đến Tòa án để làm việc, không cung cấp lời khai nêu quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngày 29/01/2026, Tòa án đã tiến hành xác minh sự có mặt của bị đơn tại địa phương theo quy định và tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục quy định.

Quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị T có đơn xin giải quyết vắng mặt thể hiện đầy đủ quan điểm về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Tại phiên tòa, anh Vương Minh N vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Tòa án căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn, bị đơn, người tiến hành tố tụng và đề nghị HĐXX:

Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a, khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với anh Vương Minh N.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Vương Minh N.

3. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 28/10/2018 và cháu Vương Kim N1, sinh ngày 10/3/2021 cho anh Vương Minh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/5/2026 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu, do đó không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

5. Về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Bị đơn anh Vương Minh N cư trú tại Đ, thôn T, xã L, tỉnh Tuyên Quang, do đó Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 28; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Vương Minh N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, quá trình giải quyết vụ án anh N đã biết và đã nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng do Tòa án gửi, nhưng anh N vẫn vắng mặt, không đến Tòa án, không có văn bản nêu quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị T và anh Vương Minh N có đăng ký kết hôn ngày 03/11/2020 tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang (nay là xã L, tỉnh Tuyên Quang), vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh nhiều mẫu thuẫn trong làm ăn, phát triển kinh tế dẫn nợ nần; anh N ham chơi, không tu chí làm ăn. Hai bên gia đình cũng đã khuyên bảo nhiều lần nhưng mâu thuẫn không cải thiện được. HĐXX xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh N đã thực sự trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay và không còn quan tâm, yêu thương nhau nữa. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T, giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Vương Minh N.

[3] *Về con chung*: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 28/10/2018 và cháu Vương Kim N1, sinh ngày 10/3/2021. Hiện nay các cháu đang sinh sống cùng với bố đẻ và ông bà nội. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng giao hai cháu cho anh N nuôi dưỡng, chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng. HĐXX xét thấy: Cháu Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 28/10/2018 và cháu Vương Kim N1, sinh ngày 10/3/2021 đang sinh sống cùng bố và ông bà nội, được nuôi dưỡng, chăm sóc và được học tập đầy đủ, ổn định. Nên cần thiết tiếp tục giao các cháu cho anh N nuôi dưỡng, tránh làm xáo trộn cuộc sống của các cháu, tạo điều kiện cho các cháu được trông nom, chăm sóc và được phát triển toàn diện một cách bình thường, ổn định cuộc sống và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu D. Về cấp dưỡng, quá trình giải quyết vụ án anh N không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, việc chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000 đồng là phù hợp do đó cần chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung, công nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó HĐXX không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đồng thuận với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và bị đơn anh Vương Minh N.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Vương Minh N.

3. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 28/10/2018 và cháu Vương Kim N1, sinh ngày 10/3/2021 cho anh Vương Minh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức 2.000.000đ *(Hai triệu đồng)*/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/5/2026 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, chị T và anh N có quyền thay đổi về cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0001307 ngày 11 tháng 11 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Chị T còn phải thi hành 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí còn thiếu.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND KV4;
- TAND tỉnh;
- THADS tỉnh;
- Các đương sự;
- UBND xã Linh Hồ;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Phúc